BẢN ĐỒ ĐƯỜNG RANH GIỚI NGOÀI VÙNG BIỂN 03 HẢI LÝ VÀ VÙNG BIỂN 06 HẢI LÝ CỦA ĐẤT LIỀN

THẠNH PHÚ

C-48-58-A

BẾN TRE - THẠNH PHÚ , BA TRI

TRÀ VINH - CẦU NGANG, CHÂU THÀNH, DUYÊN HẢI

IN LẦN THỨ NHẤT NĂM 2001

BẾN TRE	BA TRI	THỚI LONG
TRÀ VINH	THẠNH PHÚ	C-48-58-B
DUYÊN HẢI	BA ĐỘNG	C-48-58-D

THẠNH PHÚ C-48-58-A

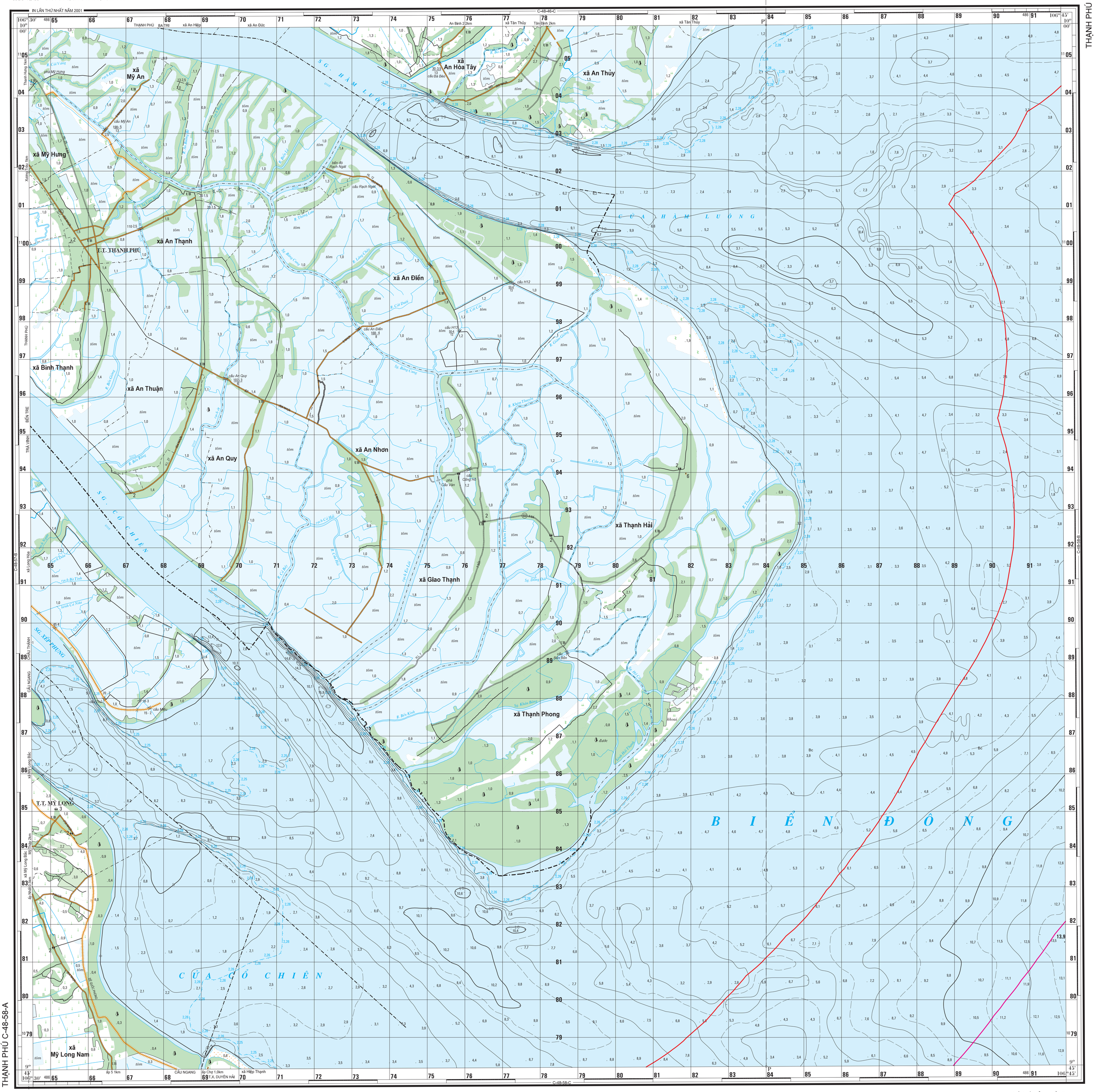

THẠNH PHÚ C-48-58-A

Khu phố nhà đông đúc
Khu phố nhà thưa thớt
Nhà độc lập
Làng có cây che phủ
Làng ít cây che phủ
Sân bay; Lò cốt
Nhà thờ; Đình, chùa, đền
Bệnh viện; Trường học
Đài phát thanh; Trạm bưu điện
Trạm biến thế; Nơi hỏa táng
Chòi cao, tháp cao; Tháp cổ
Nhà máy;Cô - Không có ống khói
Điểm tọa độ, độ cao nhà nước
Cụm lò nung; Bể chứa xăng dầu
Trạm tiếp xăng dầu; Trạm khí tượng
Hầm, giếng mỏ; Đang - Ngừng khai thác
Trạm nuôi trồng, thí nghiệm; Nghĩa trang
Nhà máy thuỷ điện; Động cơ gió
Tượng đài, bia; Lăng tẩm, nhà mồ
UB ủy ban nhân dân các cấp
Sân vận động
Công viên
Đường dây điện cao thế
Hàng rào; Tường vây

Biên giới quốc gia;
1. Đã xác định 2. Chưa xác định
3. Mốc và số hiệu mốc
Địa giới tỉnh: a. Đã xác định
b. Chưa xác định
Địa giới huyện: a. Đã xác định
b. Chưa xác định
Địa giới xã: a. Đã xác định
b. Chưa xác định
Ranh giới sử dụng đất
Ranh giới thực vật
Đường đất lớn
Đường đất nhỏ; Đường mòn

Đường sắt rộng 1m; Ga
Đường sắt hẹp và đường goòng
Đường ô tô nhựa, bê tông có trục phân tuyến a.Hiện có; b. Đang làm
Đường ô tô nhựa, bê tông a.Hiện có; b. Đang làm
Đường ô tô rải gạch đá a.Hiện có; b. Đang làm
Số đường: Quốc lộ, tỉnh lộ; Đỉnh đèo
Đường sắt : 1. Đắp cao; 2. Xẻ sâu 3. Đường hầm
Đường ô tô: 1. Đắp cao; 2. Xẻ sâu 3. Đường hầm
Bờ dốc tự nhiên; bờ cạp đá , bê tông

Cầu treo, cầu cáp
Cầu phao; Các loại cầu khác
Cầu ô tô không qua được; Bến phà
Bến đò dọc; Đò ngang
Bến tàu thuyền; Chỗ neo đậu tàu
Phao tín hiệu có đèn, cột tín hiệu có đèn
Phao buộc tàu; Rong tảo
Đường ngầm; Đập chắn sóng
Đập giữ nước; Đập tràn
Thác; Ghềnh
Mạch nước khoáng, nóng; Giếng nước
Cống dưới đường ô tô; Đê
Âu thuyền; Đèn biển; Trạm thuỷ văn
Ghi chú chất đáy :Cát xám, Bùn cát xám
Bình độ sâu cái, bình độ sâu cơ bản, ghi chú bình độ sâu,điểm độ sâu và ghi chú điểm độ sâu
Bình độ cái, bình độ cơ bản, ghi chú bình độ, điểm độ cao và ghi chú điểm độ cao

1:50 000

1cm bằng 500m thực địa

2 000 m 1500 1000 500 0 2 km

Khoảng cao đều đường bình độ cơ bản là 5m

Khoảng sâu đều đường bình độ sâu cơ bản là 2m

Bắc thật 0°36' 0°16' 0°01' Đường dọc ô vuông

So với Bắc thật, góc lệch nam châm lệch về Đông 0°16' (0 - 04: 0 - 05). Góc lệch đường dọc ô vuông lệch về Đông 0°17' (0 - 05: 0 - 05). Góc lệch Bắc nam châm so với đường dọc ô vuông lệch về Tây 0°01' (0 - 00: 0 - 00). Số đầu trong dấu ngoặc đơn là số ly giác của 6000 (1 ly giác = 3'6). Số sau là số ly giác của 6400 (1 ly giác = 3'375). Đường nối liền 2 điểm PP trên cạnh khung Nam-Bắc là hướng Bắc nam châm của mảnh bản đồ này. Trị số góc lệch Bắc nam châm đo năm 1981; 1998.

a. Đường bờ; b. Đường mép nước
Đường bờ và dòng chảy ổn định
Sông, suối có nước theo mùa
Đoạn sông, suối khô xác định
Đoạn sông, suối mất tích, chảy ngầm
Sông, hồ khô cạn
Kênh, mương: a. Rộng trên 25m
b. từ 8-25m; c. dưới 8m
Máng dẫn nước
Cống điều tiết nước trên mương
Bãi cát ngập nước, bãi cát khô
Bãi đá ven bờ; Đá dưới nước nổi, chìm
1,86 Điểm giá trị mực nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
Đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý
Đường ranh giới ngoài vùng biển 06 hải lý

Rừng ổn định: Lá rộng; Lá kim; Tre, nứa
Rừng non: Lá rộng; Lá kim; Tre, nứa
Rừng hỗn hợp; Rừng thưa; Rừng cây bụi
Cây trồng thành rừng: Thân gỗ; Dừa, cọ; Bụi
Cây trồng không thành rừng: Thân gỗ; Dừa, cọ; Bụi
Cây trồng thân dây; Thân cỏ; Cỏ
Lúa; Màu; Cói, lau sậy
Bụi rải rác; Cây độc lập; Cụm cây độc lập
Đầm lầy nước ngọt; đầm lầy nước mặn; bãi bùn
Vùng núi đá; ruộng muối; nuôi trồng thủy sản
Đá độc lập; Hố; Cửa hang động; Khu đào bới
Gò đồng; Đường bình độ vẽ nhập
nguy hiểm Ranh giới khu vực nguy hiểm theo tỷ lệ và phi tỷ lệ

Thước độ dốc

Để đo khoảng cao đều 5 m

Để đo một nhóm khoảng cao đều

20' 30' 1° 2° 3° 4° 5° 6° 7° 8° 9° 10° 11° 12° 13° 14° 15°

Cách dùng thước độ dốc: Đo khoảng cách giữa 2 điểm trên 2 đường bình độ (hoặc 6 đường) kế nhau, Theo hướng đường dọc của thước (đúng khoảng cao đều) chọn lấy một độ dài tương tự. Số ghi dưới đường dọc đó là độ dốc của hai điểm muốn biết. Trường hợp khoảng cách các đường bình độ cơ bản không đều nhau có thể lấn lượt đo riêng từng đoạn một.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Bản đồ được thành lập tại Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2021 theo các tài liệu:
- Bản đồ được thành lập trên cơ sở bản đồ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018.
- Hệ quy chiếu, hệ tọa độ Quốc gia VN 2000
- Hệ cao độ Quốc gia
- Kinh tuyến trung ương 105°, múi 6°
- Lưới chiếu hình trụ ngang đồng góc